

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGUỒN VỐN ODA TẠI TRUNG TÂM QUỐC GIA NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

Bùi Thị Minh Nguyệt¹, Nguyễn Thị Hoàng Ái²

¹*Trường Đại học Lâm nghiệp*

²*Trung tâm quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn*

TÓM TẮT

Nguồn vốn ODA được đánh giá đã đem lại hiệu quả to lớn về nhiều mặt, góp phần hỗ trợ nâng cao năng lực, đa dạng nguồn sinh kế, cải thiện cơ sở hạ tầng cho nhiều vùng, đặc biệt đối với vùng sâu, vùng xa. Nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nguồn vốn ODA là vấn đề được quan tâm để đảm bảo sử dụng có hiệu quả và bền vững nguồn vốn này. Nghiên cứu tập trung đánh giá thực trạng thu hút, sử dụng nguồn vốn ODA tại Trung tâm quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (NS&VSMTNT) trong giai đoạn từ 1996 – 2015. Phương pháp sử dụng chủ yếu là phương pháp thống kê mô tả và thống kê so sánh để thực hiện nghiên cứu. Kết quả cho thấy, Trung tâm đã thu hút được một số lượng vốn tương đối lớn từ nhiều nhà tài trợ khác nhau, bằng nhiều hình thức khác nhau gồm cả vốn vay và vốn không hoàn lại. Tuy nhiên, nhà tài trợ chủ yếu vẫn là Ngân hàng thế giới (số vốn chiếm 62,1%), bằng hình thức vốn vay với lãi suất ưu đãi. Tình hình giải ngân nguồn vốn ODA tại trung tâm được đánh giá là khá cao (tỷ lệ giải ngân 83,5%). Công tác quản lý sử dụng nguồn vốn ODA tại trung tâm vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục. Nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý nguồn vốn ODA tại Trung tâm.

Từ khóa: Nguồn vốn, tài chính, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vốn ODA là một phần của nguồn tài chính chính thức mà Chính phủ các nước phát triển và các tổ chức đa phương dành cho các nước đang phát triển nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế của các quốc gia. Trong lĩnh vực phát triển nông thôn, ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ đã giúp cải thiện bộ mặt nông thôn và miền núi nhờ các chương trình, dự án phát triển giao thông nông thôn, công trình cấp sinh hoạt, chợ nông thôn, khuyến nông, trồng trọt, tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế hộ gia đình...

Trung tâm quốc gia NS&VSMTNT là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ NN&PTNT, được giao làm chủ các chương trình, dự án ODA, trực tiếp quản lý nguồn vốn ODA, nguồn vốn đối ứng trong lĩnh vực nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Trong những năm qua, Trung tâm đã vận động, đàm phán, thu hút và ký kết được với nhiều nhà tài trợ và có một lượng vốn khá cao để đầu tư xây dựng các công trình nước sạch và VSMT nông thôn, công tác quản lý nguồn vốn ODA đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên vẫn

còn một số tồn tại cần khắc phục. Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng quản lý nguồn vốn ODA làm cơ sở đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác quản lý nguồn vốn ODA tại Trung tâm quốc gia NS & VSMTNT.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nguồn dữ liệu phục vụ nghiên cứu gồm có: Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các tài liệu có liên quan của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ NN&PTNT, Trung tâm quốc gia NS&VSMTNT, Tổng cục thống kê... Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua phỏng vấn 40 cán bộ tại Trung tâm nhằm thu thập các ý kiến đánh giá những thành công, hạn chế trong quản lý sử dụng nguồn vốn ODA. Thời gian tiến hành thu thập dữ liệu từ tháng 6 năm 2016 đến tháng 8 năm 2016.

Số liệu sau khi thu thập được xử lý trên Excel và được phân tích bằng phương pháp thống kê mô tả, thống kê so sánh, phương pháp dự báo trực quan.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng thu hút vốn ODA tại Trung tâm quốc gia NS&VSMTNT

Trong giai đoạn 1996 - 2015, Trung tâm

quốc gia NS&VSMTNT đã vận động, đàm phán, thu hút và ký kết với 6 nhà tài trợ, trong đó bao gồm: các nhà tài trợ song phương và các tổ chức phi Chính phủ chủ yếu tài trợ vốn không hoàn lại, nhưng quy mô nhỏ; Các nhà tài trợ đa phương chủ yếu tài trợ thông qua các khoản cho vay. Trong số các nhà tài trợ, Ngân

hàng Thế giới (WB) là nhà tài trợ lớn nhất với số vốn chiếm 62,1%, tiếp đó là Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) với số vốn chiếm 20,5%, tài trợ của UNICEF là 7,7%, nhà tài trợ của Úc và JICA chiếm 7,8%, còn lại là các nhà tài trợ khác.

Bảng 01. Tình hình thu hút vốn theo nhà tài trợ thời kỳ 1996 - 2015 tại Trung tâm

TT	Nhà tài trợ	Tổng vốn ODA		Trong đó			
		Giá trị (tr. USD)	Tỷ lệ (%)	Vốn vay		Vốn không hoàn lại	
				Giá trị (tr. USD)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (tr. USD)	Tỷ lệ (%)
1	ADB	45	20,5	45	20,5		
2	WB	136,1	62,1	136,1	62,1		
3	Úc và JICA	17,2	7,9			17,2	7,8
4	UNICEF	16,9	7,7			16,9	7,7
5	Nhà TT khác	4	1,8			4	1,8
	Tổng cộng	219,2	100.0	181,1	82,6	38,1	17,4

Nguồn: Thu thập và tính toán của tác giả

Nguồn vốn huy động cho lĩnh vực nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn bao gồm vốn vay (chiếm 82,6%) và vốn không hoàn lại (chiếm 17,4%). Nguồn vốn vay từ ADB, WB với lãi suất ưu đãi (118,1 triệu USD, chiếm 82,6%). Vốn từ Úc và JICA là vốn không hoàn lại, chiếm 7,8%. Các nhà tài trợ khác như UNICEF, LienAid viện trợ không hoàn lại

chiếm 9,5%.

Trong tổng số 8 dự án, có 2 dự án có quy mô dưới 10 triệu USD (chiếm 25% số dự án và 4,5% tổng vốn), 6 dự án có quy mô trên 10 triệu USD (chiếm 75% số dự án và 95,5% tổng vốn). Đây chủ yếu là các dự án về nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật sử dụng nguồn vốn vay.

Bảng 02. Tình hình thu hút vốn ODA theo quy mô dự án thời kỳ 1996 - 2015

TT	Quy mô dự án	Số dự án ODA	Tổng vốn (tr. USD)	Tỷ lệ (%)	
				Dự án	Vốn
1	Dưới 10 triệu USD	2	10	25	4,5
2	Từ 10 triệu đến < 50 triệu USD	6	209,2	75	95,5
	Tổng số	8	219,2	100,00	100,00

Nguồn: Thu thập và tính toán của tác giả

3.2. Tình hình phân bổ vốn ODA tại Trung tâm

Trong gần 20 năm, Trung tâm Quốc gia NS&VSMTNT đã ký kết với các nhà tài trợ bao gồm 8 dự án có tổng vốn tài trợ 219,2 triệu USD, trong đó có 181,1 triệu USD vốn vay và 82,6 triệu USD vốn không hoàn lại. Tính trung bình cả thời kỳ, tỷ lệ vốn ODA vay của Trung

tâm Quốc gia NS&VSMT nông thôn chiếm tương đối cao.

Tổng mức đầu tư của từng dự án được phân bổ khác nhau, với dự án cấp NS&VSMTNT vùng đồng bằng Sông Hồng là cao nhất, Dự án Hỗ trợ kỹ thuật chương trình cấp nước nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh có mức đầu tư là thấp nhất.

Bảng 03. Tình hình phân bổ vốn ODA tại Trung tâm

TT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (tr. USD)	Nhà tài trợ	Loại vốn
1	Dự án Cải thiện nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	1999-2003	4	LienAid	Viện trợ
2	Dự án Phát triển nước ngầm cung cấp nước tại một số tỉnh Tây Nguyên	2003-2007	6	JICA	Viện trợ
3	Dự án Cấp nước sạch và VSMTNT vùng đồng bằng Sông Hồng vay vốn WB	2001-2007	123	WB	Vốn vay
4	Dự án Nước sạch và vệ sinh cho trẻ em	1999-2015	16,9	UNICEF	Viện trợ
5	Dự án Cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn vùng miền Trung	2010-2017	45	ADB	Vốn vay
6	Dự án Hỗ trợ kỹ thuật chương trình cấp nước nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh	2011-2015	3,9	WB	Vốn vay
7	Dự án mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch tại 21 tỉnh	2013-2017	9,2	WB	Vốn vay
8	Dự án thí điểm cấp nước sạch dựa trên kết quả đầu ra	2014-2018	11,2	Úc	Viện trợ
Tổng			219,2		

Nguồn: Thu thập và tính toán của tác giả

3.3. Tình hình giải ngân vốn ODA tại Trung tâm

Trong giai đoạn 1999 - 2015, tổng số vốn ODA mà Trung tâm Quốc gia NS&VSMTNT đã ký kết là 219,2 triệu USD, trong đó đã giải

ngân được 183,1 triệu USD, đạt 83,5%. Đây cũng là con số tương đối cao so với tình hình giải ngân vốn ODA của Bộ NN&PTNT (trung bình trong giai đoạn này là 50% - 70%).

Bảng 04. Tình hình giải ngân vốn ODA tại Trung tâm

ĐVT: triệu USD

TT	Dự án	Năm thực hiện	Ký kết	Giải ngân	Tỉ lệ giải ngân (%)	Lĩnh vực
I	Các dự án đã hoàn thành					
1	Dự án Cải thiện nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	1999 - 2003	4	3,7	92,5	HCSN
2	Dự án Phát triển nước ngầm cung cấp nước tại một số tỉnh Tây Nguyên	2003 - 2007	6	6	100	HCSN
3	Dự án Cấp nước sạch và VSMTNT vùng đồng bằng sông Hồng vay vốn WB	2001 - 2007	123	118	96	XDCB
4	Dự án Nước sạch và vệ sinh cho trẻ em do UNICEF hỗ trợ	1999 - 2015	16,9	16,2	95,8	HCSN
5	Dự án Hỗ trợ kỹ thuật chương trình cấp nước nông thôn dựa trên kết quả do WB tài trợ	2011 - 2015	3,9	3,4	87	HCSN
II	Các dự án đang thực hiện					
1	Dự án Cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn vùng miền Trung vay vốn ADB	2011 - 2017	45	29	64	XDCB
2	Dự án Cấp nước sạch và vệ sinh tại 8 tỉnh vay vốn WB	2013 - 2017	9,2	3,1	33,7	XDCB
3	Dự án Thí điểm cấp nước sạch dựa trên kết quả đầu ra do Úc tài trợ	2014 - 2018	11,2	3,7	33	HCSN
Tổng			219,2	183,1	83,5	

Nguồn: Thu thập và tính toán của tác giả

Việc sử dụng vốn ODA theo lĩnh vực sử dụng và theo nhà tài trợ tại Trung tâm như sau:

- Về giải ngân vốn ODA theo lĩnh vực sử dụng: Vốn ODA tại Trung tâm được phân vào 2 lĩnh vực: xây dựng cơ bản và hành chính sự nghiệp. Tỷ lệ giải ngân trong lĩnh vực xây dựng cơ bản đạt 85,2% như: dự án “Cấp nước sạch và VSMTNT vùng đồng bằng sông Hồng” với số vốn 118 triệu USD; dự án “Cấp nước sạch và vệ

sinh nông thôn vùng miền Trung” với số vốn 45 triệu USD... Tỷ lệ giải ngân trong lĩnh vực xây dựng cơ bản cao bởi thường đầu tư cho phát triển các công trình lớn, tập trung vào phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, có cơ chế áp dụng rõ ràng theo lĩnh vực đầu tư. Các dự án theo lĩnh vực hành chính sự nghiệp, tỷ lệ giải ngân đạt 75%, thấp hơn so với lĩnh vực xây dựng cơ bản do một dự án thường có nhiều hợp phần hỗn hợp.

Bảng 05. Tình hình giải ngân vốn ODA theo lĩnh vực sử dụng tại Trung tâm

DVT: triệu USD

TT	ODA phân theo lĩnh vực	Tổng cộng	Trong đó	
			Xây dựng cơ bản	Hành chính sự nghiệp
1	Giá trị hiệp định	219,2	183,2	36
2	Kết quả giải ngân	183,1	156,1	27
3	Tỷ lệ kết quả giải ngân/Giá trị hiệp định đã ký kết (%)	83,5	85,2	75

Nguồn: Thu thập và tính toán của tác giả

- Giải ngân theo nhà tài trợ: Tính đến hết năm 2015, tỷ lệ giải ngân vốn viện trợ không hoàn lại trung bình đạt 77,7% so với giá trị Hiệp định đã ký, chủ yếu là một số dự án tài trợ mang tính hành chính sự nghiệp, hỗ trợ trang thiết bị; phần còn lại là chi phí chuyên gia, đào tạo ở trong nước. Các dự án này đang tài trợ cho chương trình phát triển nông thôn ở

những vùng khó khăn, cho cộng đồng người dân nông thôn, vùng sâu, vùng xa... để nâng cao chất lượng cuộc sống, điều kiện vệ sinh. Các nhà tài trợ này thường tài trợ không hoàn lại nên số vốn viện trợ không lớn và thời gian thực hiện ngắn, điều kiện thanh toán dễ dàng, thuận tiện và nhanh chóng.

Bảng 06. Tình hình giải ngân vốn ODA theo nhà tài trợ tại Trung tâm

DVT: triệu USD

TT	Hạng mục	Tổng cộng	Trong đó		
			ADB	WB	Nhà tài trợ khác
1	Giá trị Hiệp định	219,2	45	136,1	38,1
2	Kết quả giải ngân	183,1	29	124,5	29,6
3	Tỷ lệ kết quả giải ngân/Tổng vốn đã ký tại Hiệp định (%)	83,5	64,4	91,4	77,7

Nguồn: Thu thập và tính toán của tác giả

Tỷ lệ vốn vay ưu đãi (vay ADB, WB) giải ngân lũy kế trung bình so với giá trị các Hiệp định vay đã ký đạt 64,4% và 91,4% nói chung là tương đối cao. Đến nay, đã có 3 dự án hoàn thành kết thúc giải ngân, tỷ lệ giải ngân của các dự án khi kết thúc trung bình khoảng hơn 80%.

Các dự án đang ở giai đoạn đầu tiên hành thực hiện có nhiều khó khăn vướng mắc về cơ chế, nhân sự và hoạt động chưa đi vào quỹ đạo do đó tỷ lệ giải ngân vẫn còn thấp.

3.4. Đánh giá chung

3.4.1. Những kết quả đạt được

Các tỉnh tham gia dự án đều là các tỉnh nghèo, có đông đồng bào DTTS sinh sống nên việc triển khai các hoạt động ở các địa phương đã đóng góp đáng kể trong việc giúp người dân, đặc biệt là người nghèo, đồng bào DTTS từng bước nâng cao năng lực, đa dạng nguồn

sinh kế và thu nhập, góp phần giảm nghèo một cách bền vững cho các hộ tham gia dự án nói riêng, cộng đồng vùng dự án và các tỉnh dự án nói chung, đóng góp vào việc thực hiện thành công các Chương trình mục tiêu của Chính phủ Việt Nam.

Bảng 07. Đánh giá kết quả đạt được của dự án ODA

TT	Nội dung đánh giá	Đồng ý	Tỷ lệ (%)
1	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng	15	37,5
2	Nâng cao năng lực cán bộ	17	42,5
3	Cải tiến công nghệ	3	7,5
4	Xóa đói giảm nghèo	5	12,5
5	Phát triển văn hóa nông thôn	0	0
	Tổng	40	100

Nguồn: Kết quả điều tra

Đa số cán bộ được phỏng vấn đều đồng ý với kết quả đạt được của dự án ODA là đã góp phần nâng cao năng lực cán bộ. Thông qua hoạt động của các dự án tại Trung tâm quốc gia NS&VSMTNT, các đơn vị tham gia dự án được đi tham quan nghiên cứu và thực hành về quản lý dự án tại nước ngoài. Qua đó đã thu được nhiều bài học kinh nghiệm tốt trong việc thực hiện chương trình, dự án có hiệu quả nhất. Đặc biệt về lập kế hoạch, kiểm tra và đánh giá dự án. Họ đã cải tiến các thủ tục làm việc, quy trình và có trình độ tốt hơn để hỗ trợ địa phương tham gia dự án. Một điểm được đánh giá cao hơn nữa là đội ngũ cán bộ tại các tỉnh, đã tham gia trong BQLDA của Trung tâm quốc gia NS&VSMTNT đều khẳng định là họ đã có thể đủ năng lực để quản lý các hoạt động dự án khác tương tự khác.

- Vốn ODA đã giúp hoàn thiện cơ sở hạ tầng nông thôn: nhất là thủy lợi, giao thông nông thôn đến các vùng nghèo, xã nghèo, hệ thống điện nông thôn, trường học, trạm y tế.

- Các dự án ODA đã có tác động tốt vào tạo công ăn việc làm ở nông thôn. Thiết kế của các dự án hướng tới việc hỗ trợ các hộ ở nông thôn, phù hợp với các chiến lược, chính sách phát triển khu vực nông thôn của Chính phủ

và Nhà tài trợ. Các dự án cũng tập trung vào những vấn đề đan xen nhau như môi trường và giới. Nhìn chung, Dự án rất phù hợp với những người hưởng lợi từ dự án và có các hướng tiếp cận đúng đắn.

- Dự án bước đầu đã có đóng góp nhất định trong việc đạt được tăng trưởng nông nghiệp bền vững và cân bằng tại Việt Nam thông qua các chỉ số như: Giá trị tăng thêm về xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp năm và giá trị xuất khẩu ngành nông nghiệp/năm trong giai đoạn 2006 - 2015; Giảm tỷ lệ nghèo ở khu vực nông thôn.

- Việc đầu tư trang thiết bị cho các tỉnh từ kinh phí của dự án đã giúp các đơn vị này tăng số lượng đề tài, chương trình nghiên cứu được triển khai so với các năm trước.

- Các dự án ODA đã có tác động tích cực về mặt kinh tế, xã hội thể hiện ở việc có một số lượng lớn và đa dạng người được hưởng lợi trực tiếp hoặc gián tiếp từ dự án. Thông qua hoạt động dự án, mối liên kết giữa các đối tượng này bước đầu đã được hình thành, góp phần thúc đẩy việc chuyển giao hiệu quả tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, từng bước nâng cao thu nhập cho người sản xuất. Nhận thức về giới và xã hội đã nâng lên thông qua việc tham gia dự án, rất nhiều phụ nữ đã tham gia vào các

hoạt động của dự án.

- Nhận thức về môi trường đã tăng lên trong cộng đồng, nhận thức về bảo vệ môi trường đã được đưa vào kế hoạch của địa phương, đóng góp và việc cân bằng sinh thái và môi trường.

- Nhiều hoạt động và kết quả dự án có thể đảm được tính bền vững và trong một số trường hợp có thể được mở rộng và nhân rộng sau khi kết thúc dự án.

- Đã có nhiều hoạt động do dự án ODA tại Trung tâm tài trợ sau khi kết thúc thì đến nay vẫn đang được người nông dân tại các địa phương sử dụng làm mô hình để nhân rộng. Một số tỉnh cho biết sẽ sử dụng kinh phí địa phương để tiếp tục thực hiện nâng cấp và phát triển.

3.4.2. Một số hạn chế đối với công tác quản lý vốn ODA

Việc thu hút, sử dụng nguồn vốn ODA đã có nhiều tác động tích cực đối với sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội trong những năm qua đặc biệt là đối với sự phát triển nông nghiệp nông thôn. Tuy nhiên việc quản lý nguồn vốn ODA còn một số hạn chế như sau:

- Quản lý đầu tư và xây dựng:

Việc trình duyệt lại (hoặc bổ sung) thiết kế kỹ thuật và dự toán ngân sách để có thêm vốn đòi hỏi quá nhiều thời gian do thủ tục điều chỉnh dự án phức tạp. Thay đổi thiết kế kỹ thuật, thay đổi tổng mức đầu tư do các nguyên nhân khách quan như thay đổi về tỷ giá, các chi phí về đền bù và giải tỏa mặt bằng... rất nhỏ cũng phải trình duyệt lại theo qui trình từ đầu tạo nên sự đình trệ của dự án.

Việc lập kế hoạch phân bổ vốn hàng năm: phân chia phần vốn đầu tư xây dựng cơ bản

(XDCCB) do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì trong khi phần vốn hành chính sự nghiệp (HCSN) do Bộ Tài chính chủ trì. Như vậy, nếu dự án có nội dung chi hỗn hợp (vừa đầu tư XDCCB, vừa hành chính sự nghiệp) thì chủ dự án phải làm việc đồng thời với hai cơ quan, làm mất nhiều thời gian và quy trình/thủ tục lại phức tạp. Ngoài ra, theo hướng dẫn tại Thông tư số 218/2013/TT- BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính qui định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án ODA kế toán cũng phải tuân theo hai hệ thống hướng dẫn khác nhau đó là các văn bản quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản và các văn bản quản lý vốn hành chính sự nghiệp. Vì vậy, vấn đề đặt ra là đối với các dự án hỗn hợp gồm hai loại hình đầu tư nêu trên cần xác định một cơ quan chủ trì để lập kế hoạch vốn với chủ dự án để giảm bớt thời gian, đơn giản hoá quy trình thực hiện, đáp ứng tiến độ giải ngân đề ra.

- Chính sách và công tác đền bù giải phóng mặt bằng:

Đây là vấn đề nổi cộm và ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và hiệu quả thực hiện dự án. Nguyên nhân chủ yếu của hiện tượng bất cập này là do: Chính sách đền bù giải phóng mặt bằng và tái định cư của Việt Nam chưa phù hợp với các yêu cầu đặt ra của các nhà tài trợ (phạm vi đền bù, giá cả, hỗ trợ tái định cư...). Ngoài ra, chính sách trong nước không đồng bộ, chậm được thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế như đơn giá đền bù không có sự thay đổi trong khi giá cả đất đai ngày càng tăng; Nhận thức của người dân hạn chế về chủ trương, chính sách đầu tư của nhà nước, về tập quán và phong tục lạc hậu, đặc biệt là người dân tộc thiểu số, vùng sâu.

Bảng 08. Khó khăn trong giải ngân nguồn vốn ODA

Nội dung	Đồng ý	Tỷ lệ (%)
Vốn thiếu (đối ứng)	17	42,5
Giải phóng mặt bằng	18	45,0
Đào tạo năng lực cán bộ	5	12,5

Nguồn: Khảo sát

3.5. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý nguồn vốn ODA tại Trung tâm Quốc gia NS&VSMTNT

- *Xây dựng qui chế hướng dẫn phù hợp cho từng dự án:* Hầu hết các dự án tại Trung tâm Quốc gia NS&VSMTNT bị chậm tiến độ trong giai đoạn đầu là do quá trình thiết lập cơ chế hoạt động và ban hành các cẩm nang hướng dẫn thực hiện mất nhiều thời gian, thường từ 2 - 6 tháng, cá biệt có dự án mất đến gần 1 năm. Chính vì vậy, việc hoàn thành xây dựng các hướng dẫn này đóng vai trò quan trọng quyết định đến tiến độ và hiệu quả thực hiện dự án. Muốn vậy, các BQL dự án cần phải: Ngay sau khi Ban quản lý dự án được thành lập, cần tập trung xây dựng ngay một qui chế hoạt động của Ban quản lý dự án và trình lãnh đạo Bộ phê duyệt. Qui chế này cần qui định rõ chức năng nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của ban, cũng như chức năng nhiệm vụ, nghĩa vụ, trách nhiệm của từng chức danh cán bộ trong ban, cơ chế phối hợp hoạt động giữa các cán bộ trong ban... Nhanh chóng xây dựng và ban hành cuốn “Cẩm nang hướng dẫn quản lý dự án” cả về mặt hành chính, tài chính và chuyên môn trên cơ sở tham khảo ý kiến của Nhà tài trợ và trình Bộ phê duyệt. Sau khi quy chế ban hành, nhất thiết phải có các cuộc tập huấn hướng dẫn sử dụng cho các BQL dự án, đặc biệt là các cán bộ tài chính và cán bộ chuyên môn.

- *Đảm bảo sự tham gia của cộng đồng/người hưởng lợi:* Yếu tố quyết định đến tính hiệu quả của dự án, ngoài công tác lãnh đạo và quản lý cần có sự tham gia của người hưởng lợi trong tất cả các chu trình của dự án, thể hiện: Tiêu chí xác định đối tượng hưởng lợi, quy trình hỗ trợ cần phải được xác định theo nguyên tắc có sự tham gia của người dân. Việc xây dựng kế hoạch hàng năm cần dựa trên nhu cầu thực tế của địa phương/người hưởng lợi và có sự tham gia giám sát.

- *Hoàn thiện công tác kiểm tra, giám sát của BQL dự án Trung ương với các tỉnh và của BQL dự án tỉnh đối với người hưởng lợi:* Công tác theo dõi, giám sát của BQL dự án trung ương đối với các BQL dự án tỉnh/thành phố và

đối tượng hưởng lợi vẫn được các dự án tiến hành nhưng chỉ mang tính hình thức, chưa thực sự có hiệu quả do còn mang nặng tâm lý “quan hệ nội bộ”. Cho nên, trong thời gian tới, một mặt cần phải khắc phục quan niệm này, mặt khác phải nâng cao chất lượng công tác theo dõi, kiểm tra theo hướng tập trung vào các nội dung như: Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu đề ra của dự án; Đánh giá việc chấp hành các quy định tài chính, chế độ báo cáo định kỳ theo quy định của Chính phủ và nhà tài trợ; Giám sát đánh giá tiến độ giải ngân.

- *Cải tiến quy trình giải ngân:* Hiện nay, Quy trình giải ngân nguồn vốn ODA được thực hiện theo Thông tư số 218/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 về việc hướng dẫn quản lý rút vốn đối với nguồn Hỗ trợ phát triển chính thức ODA. Thông tư quy định thời gian nhận hồ sơ hợp lệ làm thủ tục rút vốn tối đa 5 ngày, nhưng thực tế lại mất nhiều thời gian hơn rất nhiều. Để rút ngắn thời gian này, cần hoàn thiện công tác xét duyệt của nhà tài trợ và chủ đầu tư nhằm tạo điều kiện cho nhà thầu sớm hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Hồ sơ dự án quy định trong quyết định còn rườm rà, phải qua nhiều khâu kiểm tra kiểm soát không cần thiết mà lại không xác định đầy đủ trách nhiệm của từng khâu tham gia.

IV. KẾT LUẬN

Nguồn vốn ODA đã khẳng định vai trò quan trọng trong quá trình phát triển nông nghiệp và nông thôn Việt Nam trong thời gian qua và chắc chắn trong thời gian tới vẫn là một ngoại lực quan trọng cần duy trì và phát triển. Để duy trì và phát triển nguồn vốn ODA thì một trong những đòi hỏi là phải quản lý có hiệu quả nguồn vốn này. Trong thời kỳ 1996 - 2015, Trung tâm quốc gia NS&VSMTNT đã vận động, đàm phán, thu hút và ký kết với 6 nhà tài trợ với số vốn 219,2 triệu USD. Nguồn vốn huy động cho lĩnh vực nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn bao gồm vốn vay (chiếm 82,6%) và vốn không hoàn lại (chiếm 17,4%). Trong tổng số 8 dự án ODA được huy động, trong đó có 2 dự án có quy mô dưới 10 triệu USD và 6 dự án có quy mô trên 10 triệu USD.

Tính trung bình cả thời kỳ, tỷ lệ vốn ODA vay của Trung tâm chiếm tương đối cao khoảng 82,6%. Tỷ lệ giải ngân tương đối cao đạt 83,5%. Tỷ lệ giải ngân trong lĩnh vực xây dựng cơ bản đạt cao (85,2%) do thường đầu tư cho phát triển các công trình lớn, tập trung vào phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, có cơ chế áp dụng rõ ràng theo lĩnh vực đầu tư. Các dự án theo lĩnh vực hành chính sự nghiệp tỷ lệ giải ngân đạt 75% do một dự án thường có nhiều hợp phần hỗn hợp. Nguồn vốn ODA đã đóng góp rất nhiều cho các địa phương, đặc biệt là các tỉnh nghèo, vùng sâu, vùng xa, đảm bảo thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia. Công tác quản lý nguồn vốn ODA đã có những thành công nhất định, mang lại hiệu quả cao trên các mặt. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế như công tác quản lý đầu tư và xây dựng; chính sách và công tác đền bù, giải phóng mặt bằng. Để hoàn thiện công tác quản lý nguồn vốn ODA tại Trung tâm cần tập trung vào một số giải pháp: (1) Xây dựng qui chế hướng dẫn phù hợp cho từng dự án; (2) Đảm bảo sự tham gia của cộng đồng/người

hưởng lợi; (3) Hoàn thiện công tác kiểm tra, giám sát của BQL dự án Trung ương với các tỉnh và của BQL dự án tỉnh đối với người hưởng lợi; (4) Cải tiến quy trình giải ngân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2013). *Báo cáo hoàn thành dự án Khoa học công nghệ Nông nghiệp (khoản vay 2283 VIE-SF)*. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
2. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2015). *Quyết định 5776/QĐ-BNN-HTQT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Đề án “Định hướng thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và các khoản vốn vay ưu đãi khác của các nhà tài trợ và viện trợ phi Chính phủ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ NN&PTNT giai đoạn 2016 - 2020”*.
3. Chính phủ (2013). *Nghị định số 38/2013/NĐ-CP Ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, ngày 23/4/2013*. Chính phủ.
4. Vũ Thị Ngọc Phùng (2005). *Giáo trình kinh tế phát triển*. NXB. Lao động - Xã hội, Hà Nội.
5. Website: isgmard.org.vn; mard.gov.vn; mpi.gov.vn; adb.org.vn; worldbank.org.vn; egov.gov.vn; vietnamgateway.org; vst.vista.gov.vn; vov.org.

IMPROVE THE MANAGEMENT OF ODA RESOURCES AT NATIONAL CENTER FOR RURAL WATER SUPPLY AND ENVIRONMENTAL SANITATION

Bui Thi Minh Nguyet¹, Nguyen Thi Hoang Ai²

¹*Vietnam National University of Forestry*

²*National Center For Rural Water Supply And Environmental Sanitation*

SUMMARY

The Official Development Assistance (ODA) has been assessed to have great effects in many aspects, contributing to capacity building, diversifying livelihoods and improving infrastructure in many regions, especially in remote areas. Improving the quality and effectiveness of ODA management is concerned to ensure the efficient and sustainable use of this fund. The study focused on evaluating the situation of ODA attraction and the use in the National Center For Rural Water Supply And Environmental Sanitation (NCERWASS) during the period 1996 - 2015. The methods used in this study are the descriptive and comparative statistics. The results show that the Center has attracted a relatively large amount of capital from various donors, including loans and non-refundable loans. However, the main donor is the World Bank (accounting for 62.1% of the capital) by the loans of preferential interest rates. ODA disbursement at the Center is considered to be quite high (disbursement rate is 83.5%). There are still a number of problems that need to be addressed in the management of ODA resources. The study has proposed some solutions to improve the management of ODA resources at the Center.

Keywords: Capital, financial, Official Development Assistance (ODA).

Ngày nhận bài : 28/7/2017

Ngày phản biện : 25/8/2017

Ngày quyết định đăng : 03/9/2017